

KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.815,0	252,7	128,4
1 ngày (%)	0,7	0,1	0,6
1 tháng (%)	3,4	0,6	6,8
Từ 2026	1,7	1,6	6,2
1 Năm (%)	43,5	13,3	36,2
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	8.381	401	687
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,0	2,7	0,9
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

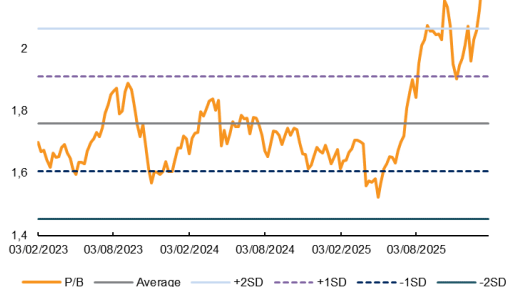
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index hồi phục trong bối cảnh thanh khoản suy giảm.

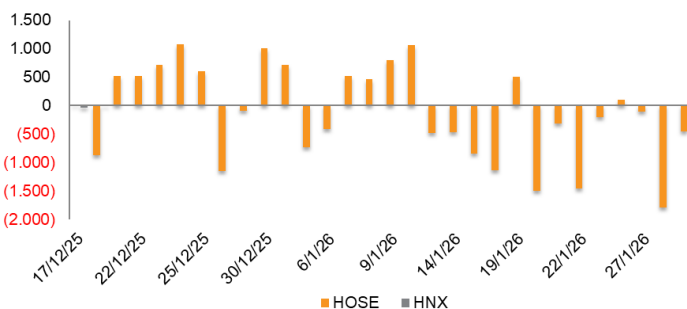
Dù sắc xanh quay trở lại, diễn biến trong phiên cho thấy sự giằng co quyết liệt giữa bên mua và bên bán khi chỉ số có những nhịp rung lắc quanh mốc tham chiếu trước khi bứt phá vào cuối phiên. Kết thúc phiên, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức 1.814,98 điểm, tăng 12,07 điểm (+0,67%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 188 mã tăng, 125 mã giảm điểm. Việc này cho thấy dòng tiền đã bắt đầu kích hoạt tại một số nhóm ngành, giúp lan tỏa sắc xanh lên diện rộng hơn.

Nhóm VN30 đóng vai trò dẫn dắt chỉ số trong phiên hôm nay khi VN30-Index tăng tới 21,85 điểm (+1,09%), đóng cửa tại 2.018,98 điểm. Trong rổ VN30 ghi nhận sự cân bằng khi có 14 mã tăng và 12 mã giảm điểm. Xét về nhóm ngành, dòng tiền có sự dịch chuyển rõ rệt vào các nhóm ngành có tính chất câu chuyện tăng trưởng như nhóm Dịch vụ bán lẻ (+4,48%), Hóa chất (+4,30%) và Tài nguyên (+3,71%). Nhóm Công nghệ (+1,37%) cũng đóng góp tích cực vào đà tăng của chỉ số. Ngược lại, áp lực điều chỉnh vẫn hiện hữu tại nhóm Dầu khí (-0,87%), Du lịch & Giải trí (-0,75%) và Dịch vụ tiện ích (-0,59%).

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HOSE ngày 29/01 đạt mức 23.650 tỷ đồng, sụt giảm 18,68% so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình của 20 phiên gần nhất. Việc thanh khoản sụt giảm trong một phiên tăng điểm cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn còn sự thận trọng, lực cung đã cạn kiệt sau phiên bán tháo nhưng lực cầu chủ yếu vẫn mang tính chất thăm dò, chưa thực sự quyết liệt. Trong bối cảnh VN-Index đang nỗ lực tìm điểm cân bằng sau khi thiết lập đỉnh mới, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư duy trì kỷ luật trong quản trị danh mục: Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao. (1) Nên tận dụng các nhịp phục hồi kỹ thuật để cơ cấu lại danh mục. (2) Ưu tiên nắm giữ các mã thuộc nhóm ngành đang thu hút dòng tiền mạnh. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: (1) Có thể bắt đầu giải ngân thăm dò đối với các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, lợi nhuận tăng trưởng đột biến và đã có nhịp chiết khấu đủ sâu. (2) Việc giải ngân nên ưu tiên các cổ phiếu có thanh khoản tốt và sức mạnh giá ổn định hơn thị trường chung, đồng thời chia nhỏ tỷ trọng để quản trị rủi ro tỷ giá và biến động địa chính trị toàn cầu.

Ngành	Tỷ trọng VN Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,9	174,9	4,4	2,9	4,4	3,5	32,2	121,0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,6	25,8	3,3	3,8	8,6	8,3	18,7	93,7
Năng lượng	2,5	39,3	2,1	-1,1	36,6	41,2	55,7	-52,2
Tài chính	40,1	12,2	2,0	0,0	9,7	8,7	33,4	-30,4
Chăm sóc sức khỏe	0,5	36,5	2,8	0,3	5,7	3,9	11,0	120,1
Công nghiệp	7,4	36,4	5,0	0,2	-4,9	-4,7	80,8	-15,6
Công nghệ thông tin	2,4	20,3	4,7	1,7	12,5	11,1	-17,5	23,4
Vật liệu xây dựng	6,1	18,3	2,0	3,0	20,3	19,7	22,9	-6,6
Bất động sản	22,9	80,7	5,1	0,7	-9,8	-13,8	382,6	-36,7
Dịch vụ tiện ích	5,0	21,8	3,4	-0,8	38,3	42,1	55,8	-24,5

Mua(bán) ròng khối ngoại (tỷ vnd)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Mỹ:** Cuộc họp chính sách tiền tệ đầu tiên của năm 2026 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) kéo dài hai ngày (27–28/01), với quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 3,50–3,75%. Quyết định này phản ánh đánh giá của Fed rằng kinh tế Mỹ vẫn ổn định và không cần thay đổi ngay lập tức lộ trình lãi suất trước khi có thêm dữ liệu mới.
- **Mỹ:** Donald Trump đã có bài phát biểu tại Clive, bang Iowa, về các vấn đề năng lượng và kinh tế, kêu gọi ủng hộ các chính sách năng lượng và nhấn mạnh tầm quan trọng của tăng trưởng kinh tế cho các vùng nông thôn Hoa Kỳ..

Tin vĩ mô trong nước

- Các báo cáo thị trường cho thấy bất động sản Việt Nam đang vận hành theo xu hướng phục hồi và bền vững, được hỗ trợ bởi khung pháp lý ngày càng minh bạch và dòng vốn đầu tư lớn vào hạ tầng. Những cải thiện về pháp lý giúp giảm rủi ro triển khai dự án, trong khi đầu tư hạ tầng (giao thông, đô thị, logistics) nâng cao khả năng hấp thụ và tạo nền tảng tăng trưởng dài hạn cho thị trường.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **NVB – Được chấp thuận tăng vốn, củng cố nền tảng tài chính:** Ngân hàng TMCP Quốc Dân (mã NVB) vừa được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tăng vốn điều lệ thêm tối đa 10.000 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, qua đó nâng vốn điều lệ từ 19.280 tỷ đồng lên gần 29.280 tỷ đồng. Theo phương án đã được ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 thông qua, NCB dự kiến phát hành 1 tỷ cổ phiếu với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu, cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm; thời gian phát hành dự kiến quý II–III/2026 sau khi hoàn tất các thủ tục với NHNN và UBCKNN.
- **VGC – Lợi nhuận 2025 bứt phá, khu công nghiệp tiếp tục là động lực chính:** Tổng Công ty Viglacera ghi nhận năm 2025 với kết quả kinh doanh tích cực khi doanh thu thuần đạt 13.315 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm trước, trong khi lợi nhuận trước thuế đạt 2.201 tỷ đồng, tăng mạnh 35% và vượt kế hoạch 26,3%. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.594,7 tỷ đồng, tăng 34,3%, phản ánh hiệu quả cải thiện rõ rệt dù doanh thu chưa hoàn toàn chạm mục tiêu đề ra. Riêng quý IV/2025, VGC đạt doanh thu 3.978 tỷ đồng, tăng 6,7% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 879,6 tỷ đồng, tăng 21,1%, và lãi ròng đạt 638,9 tỷ đồng, tăng 16,8% nhờ kiểm soát tốt chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, bù đắp cho áp lực giá vốn gia tăng.
- **ACB – Tổng tài sản vượt mốc 1.000 nghìn tỷ đồng, tín dụng FDI bứt phá 170%, nợ xấu giảm về 0,97%:** ACB ghi nhận quy mô tổng tài sản vượt 1.000 nghìn tỷ đồng (khoảng 38 tỷ USD), tăng 19% so với đầu năm, phản ánh đà mở rộng bảng cân đối mạnh mẽ trong năm 2025. Tăng trưởng tín dụng nổi bật ở mảng doanh nghiệp khi cho vay doanh nghiệp tăng 26%, trong đó cho vay khối FDI tăng đột biến 170%, cho thấy ngân hàng đang mở rộng mạnh hoạt động tài trợ chuỗi cung ứng và dòng vốn đầu tư nước ngoài. Đồng thời, chất lượng tài sản cải thiện rõ rệt khi nợ xấu giảm 23%, đưa tỷ lệ nợ xấu xuống chỉ còn 0,97%, củng cố nền tảng an toàn và dư địa tăng trưởng cho giai đoạn tiếp theo.
- **MCH – Masan Consumer duy trì biên lợi nhuận cao, hướng tới tăng trưởng hai chữ số năm 2026:** Masan Consumer (MCH) ghi nhận doanh thu năm 2025 đạt 30.557 tỷ đồng (1,16 tỷ USD) và lợi nhuận sau thuế 6.764 tỷ đồng (257 triệu USD), tương ứng biên lợi nhuận ròng 22,1%, tiếp tục nằm trong nhóm cao nhất ngành hàng tiêu dùng. Riêng quý IV/2025, doanh thu tăng mạnh 34%, cho thấy đà phục hồi và hiệu quả rõ nét từ chiến lược phân phối mới. Bước sang năm 2026, Masan Consumer đặt mục tiêu doanh thu tăng 11–15% và lợi nhuận tăng 10–15%, với trọng tâm là phát triển kênh bán lẻ cao cấp, đẩy mạnh mô hình phân phối trực tiếp, đồng thời mở rộng thị trường quốc tế.
- **IDC – Lợi nhuận 2025 vượt kế hoạch, nền tảng tài chính tiếp tục mở rộng:** Tổng công ty IDICO ghi nhận quý IV/2025 với doanh thu 2.160 tỷ đồng (82 triệu USD), lợi nhuận ròng 449 tỷ đồng (17 triệu USD), lần lượt tăng 10% và 26% so với cùng kỳ, cho thấy hiệu quả vận hành cải thiện rõ rệt vào cuối năm. Lũy kế cả năm 2025, IDC đạt doanh thu 8.588 tỷ đồng (326 triệu USD) và lợi nhuận ròng 1.932 tỷ đồng (73 triệu USD), vượt kế hoạch đề ra. Quy mô tài sản tăng 23%, phản ánh đà mở rộng hoạt động, trong đó tiền gửi ngân hàng đạt 7.200 tỷ đồng (274 triệu USD), tạo dư địa thanh khoản lớn cho đầu tư. Ở chiều ngược lại, nợ cho vay tăng 87%, cho thấy doanh nghiệp chủ động sử dụng đòn bẩy để đẩy nhanh các dự án, song vẫn được hỗ trợ bởi nền tảng tiền mặt dồi dào.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giữ nguyên lãi suất điều hành ở mức 3,5%–3,75% cuộc họp đầu tiên của năm 2026. Fed cho rằng hoạt động kinh tế tiếp tục tăng trưởng ổn định, tỷ lệ thất nghiệp đã chững lại và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao khi một số doanh nghiệp có thể chuyển thêm chi phí liên quan đến thuế quan sang người tiêu dùng – dù tác động của thuế quan lên lạm phát đến nay vẫn thấp hơn kỳ vọng ban đầu. Trước cuộc họp, một số thành viên Ủy ban đã phát tín hiệu cho rằng chính sách tiền tệ đang tiến gần mức trung hòa. Nếu thị trường lao động không suy yếu thêm, lần cắt giảm lãi suất tiếp theo có thể bị lùi lại đến sau khi nhiệm kỳ của Chủ tịch Powell kết thúc vào tháng 5 năm nay.
- Sau cuộc họp, chỉ số USD giữ trên mức 96, gần mức đáy bốn năm, trong khi tỷ giá USD/VND giảm mạnh xuống 26.023, tương ứng với VND đã tăng giá 1,1% so với USD tính từ đầu năm. Đồng USD yếu đi và VND mạnh lên có thể giúp NHNN linh hoạt hơn trong điều hành chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, giá vàng tăng mạnh – hiện đã vượt USD5.500/ounce trong bối cảnh nhu cầu tài sản trú ẩn tăng lên do rủi ro địa chính trị leo thang – đang đặt ra rủi ro mới đối với ổn định thị trường tài chính và cần được theo dõi chặt chẽ.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,61	-0,3	11,1	10,8	54,5
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	5,58	104,4	32,9	238,2	18,7
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,43	0,8	-9,1	-9,9	53,2
USD/VND	26.025	0,2	1,0	1,0	-3,6
DXY	96,23	-0,2	-1,8	-2,1	-10,9
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,26	0,3	3,6	2,2	-6,0
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,65	0,2	4,1	3,0	-14,3

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.512,80	3,9	27,5	27,0	99,0
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	64,87	2,6	11,7	13,0	-10,7
Dầu Brent (USD/b) 1 thân	70,10	2,5	13,2	15,2	-8,5
Thép (USD/tấn)	467,4	-0,1	-0,2	-0,2	-7,0
Thịt heo (USD/kg)	1,8	-0,9	2,4	0,1	-19,8
Gạo (USD/tấn)	498,3	-0,2	15,5	14,5	-22,3
Phân urea (USD/tấn)	386,0	3,1	12,7	12,7	6,5

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Tư 28/01/2026	Mỹ	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 1.2026 của Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) Tổng thống Donald Trump phát biểu tại một sự kiện ở bang Iowa, nội dung về vấn đề năng lượng và kinh tế
Thứ Sáu 30/01/2026	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 12.2025
Thứ Bảy 31/01/2026	Trung Quốc	Số liệu PMI sản xuất và PMI dịch vụ tháng 1.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.240	4,3	3.387	52.600	73.300	40,4%	1,0%	17,7	2,8	17%
AST	131	0,0	5	75.700	85.400	16,1%	3,3%	15,0	5,3	38%
HVN	3.252	1,6	693	27.200	43.400	61,9%	2,3%	9,1	15,1	
VJC	3.413	14,7	787	164.000	113.600	-30,1%	0,6%	56,4	4,0	8%
Bán lẻ										
BAF	417	3,5	192	35.700	37.200	4,2%		19,4	2,5	13%
DGW	400	3,4	107	47.050	49.600	6,5%	1,1%	19,5	3,2	17%
FRT	1.080	3,1	177	165.000	150.300	-8,7%	0,2%	45,6	9,1	25%
MCH	7.878	3,7	2.747	158.100	147.000	-5,7%	1,3%	30,7	11,4	46%
MWG	5.084	20,4	64	89.500	96.300	8,7%	1,1%	22,6	4,2	20%
PNJ	1.658	3,7	14	126.500	109.900	-12,3%	0,8%	19,2	3,6	21%
QNS	671	0,2	273	47.500	53.400	14,5%	2,1%	7,8	1,4	18%
SAB	2.479	3,3	1.031	50.300	59.900	23,1%	4,0%	15,3	2,8	18%
VHC	561	2,6	445	65.000	71.300	12,8%	3,1%	9,4	1,5	17%
VNM	5.710	15,1	2.837	71.100	74.800	9,2%	4,0%	19,2	4,4	24%
Tài chính										
ACB	4.697	10,2	67	23.800	31.300	35,2%	3,7%	7,8	1,3	18%
BID	14.002	10,2	1.770	51.900	47.200	-8,2%	0,9%	13,8	2,2	18%
CTG	11.430	19,2	510	38.300	49.000	28,7%	0,8%	8,9	1,8	22%
HDB	5.356	21,6	216	27.850	39.500	44,1%	2,3%	8,7	1,9	25%
LPB	4.787	3,6	204	41.700	33.400	-13,9%	6,0%	10,9	2,6	25%
MBB	8.264	24,6	111	26.700	32.900	25,1%	1,9%	8,0	1,7	21%
STB	4.549	24,5	718	62.800	45.700	-26,2%	1,0%	9,6	1,9	22%
TCB	9.503	16,2	0	34.900	40.300	18,3%	2,9%	9,8	1,5	16%
TPB	1.780	6,2	92	16.700	17.800	12,3%	5,7%	7,1	1,2	17%
VCB	22.410	17,3	1.957	69.800	69.300	-0,1%	0,6%	16,6	2,6	17%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VIB	2.289	4,0	1	17.500	23.600	38,4%	3,5%	8,2	1,3	18%
VPB	8.429	22,6	421	27.650	37.100	36,0%	1,8%	9,1	1,3	15%
Dệt may										
MSH	155	0,7	67	35.750	40.600	24,8%	11,2%	6,9	1,8	28%
TCM	115	1,4	2	26.600	29.800	13,9%	1,9%	11,6	1,2	11%
Khu công nghiệp										
BCM	2.625	1,9	845	66.000	68.600	5,5%	1,5%	18,6	3,2	18%
GMD	1.113	3,8	118	67.900	72.000	9,0%	2,9%	22,2	2,3	12%
HAH	365	4,9	84	56.200	55.400	-0,1%	1,4%	8,1	2,3	31%
VSC	296	7,5	140	20.550	19.100	-4,6%	2,4%	17,0	1,4	9%
IDC	675	4,2	237	46.300	45.600	1,7%	3,2%	9,1	2,7	32%
KBC	1.216	5,8	459	33.600	30.000	-9,6%	1,1%	17,9	1,3	7%
PHR	323	1,2	113	62.000	68.400	12,5%	2,2%	12,5	2,1	17%
VTP	521	3,5	226	111.400	129.200	16,9%	1,0%	46,0	7,8	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	989	13,3	427	67.800	128.300	93,7%	4,4%	8,7	1,7	20%
HPG	7.993	33,3	2.310	27.100	30.000	11,8%	1,1%	14,4	1,7	12%
Dầu khí										
BSR	4.204	9,9	2.007	21.850	16.700	-21,6%	2,0%	52,9	1,9	4%
GAS	10.829	7,5	5.049	116.800	78.400	-31,1%	1,7%	23,3	4,3	20%
OIL	596	1,6	36	15.000	14.800	0,3%	1,7%	47,5	1,5	3%
PLX	2.817	8,6	122	57.700	47.700	-15,3%	2,1%	29,4	2,9	10%
PVD	641	10,0	243	30.000	32.600	17,0%	8,3%	18,7	1,0	6%
PVS	855	9,9	288	43.500	41.800	-2,4%	1,5%	12,2	1,5	13%
PVT	370	3,2	141	20.500	23.400	15,3%	1,1%	9,8	1,2	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	624	3,9	288	23.900	22.700	-1,4%	3,6%	21,0	1,5	7%
DCM	753	3,1	340	37.000	40.000	13,5%	5,4%	11,3	1,9	17%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
DDV	161	1,3	75	28.600	39.700	42,0%	3,1%	24,8	2,4	10%
PLC	98	0,5	47	31.700	34.100	9,1%	1,6%	21,5	2,0	9%
Điện										
POW	1.580	6,2	709	13.400	14.400	8,7%	1,2%	19,9	1,1	6%
Điện và BDS										
HDG	375	2,6	116	26.400	37.400	43,2%	1,6%	28,1	1,5	5%
PC1	379	3,5	136	24.000	26.500			19,7	1,7	9%
REE	1.290	1,1	0	62.000	76.600	25,0%	1,4%	13,0	1,7	13%
Bất động sản										
DXG	650	9,7	178	15.200	18.300	33,6%	13,2%	37,3	1,2	3%
KDH	1.160	7,2	265	26.900	41.800	56,5%	1,1%	33,7	1,7	5%
NLG	530	2,9	39	28.450	42.200	49,9%	1,6%	14,8	1,2	9%
VHM	16.887	28,8	7.025	107.000	93.600			16,8	2,0	13%
VRE	2.619	13,4	948	30.000	32.000	10,2%	3,5%	10,6	1,4	14%
Công nghệ										
FPT	6.945	29,9	639	106.100	118.200	12,3%	0,9%	19,3	5,0	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA